

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HC-ST
Ngày: 22-02-2022
Về khiếu kiện: “Quyết định hành
chính về quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Viết
Ông Nguyễn Thanh Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 36/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính về quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2021/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1974.
2. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1979.
3. Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số x, ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh P– Chủ tịch

2. Ông Đồng Văn Đ (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D:

1. Bà Đỗ Thị Lệ D, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D:

1.1 Bà Đỗ Thị Phi Y, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

1.2 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số x, tổ x, khu phố x, phường P, thành phố B.

1.3 Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Đồng Phi H, sinh năm 1980

3. Bà Đồng Thị Ngọc C, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Đồng Thị Ngọc H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H:

4.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số x, tổ x, khu phố x, phường P, thành phố B.

4.2 Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1943. Địa chỉ: Số x, Ô4, khu x, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 958, tờ bản đồ số 1, có diện tích đất 640m² tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là thửa số 463, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre) nằm trong phần đất 7.421m² có nguồn gốc từ ông bà ngoại ông H, ông H, ông H là ông Đỗ Văn H và bà Đỗ Thị M.

Năm 1959, ông H lập tờ lược giải chia phần đất này lại cho con là Đỗ Thành L. Tuy chia cho ông L nhưng bà Đỗ Thị P (mẹ của ông H, ông H, ông H) vẫn sống trên đất này. Năm 1960, ông H chết, bà rước bà M về Mỹ Tho sinh sống, phần đất này bà M cho ông Mười N thuê, canh tác được vài năm thì ông

Mười N không thuê nữa giao đất lại cho con dâu bà M là Nguyễn Thị T canh tác.

Bà T chưa kịp vào canh tác thì ông Đỗ Ngọc S (con ông H và bà M) về Phú T và xin vào ở canh tác phần đất này. Sau đó ông S cho bà Đỗ Thị G mượn trước ngày 30/4/1975. Sau năm 1975, bà G vẫn canh tác sử dụng phần đất này và vẫn trả tiền thuê đất hàng năm cho gia đình bà P.

Đến năm 1983, Tập Đoàn 1 xã Phú T hoán đổi 02 công đất ruộng với bà Đỗ Thị G để lấy 640m² đất này làm nhà kho và sân phơi Tập đoàn mà không có sự đồng ý của bất kỳ ai trong gia đình bà P.

Năm 1991, Tập Đoàn bán nhà kho, đất thì bỏ trống không ai quản lý nên ông Đồng Văn Đ (con rể ông Đỗ Ngọc S) vào cất nhà ở.

Năm 1992, trước khi ra nước ngoài sinh sống, ông Đỗ Thành L lập giấy tờ cho bà P toàn bộ diện tích đất 7.421m² thuộc bằng khoán số 308 tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Giấy này có xác nhận của Chính quyền địa P. Cũng trong năm 1992, ông S có làm cam kết với ông L và bà P là khi ông S qua đời, ông và gia đình sẽ trả lại cho ông L hoặc người thừa kế. Tờ cam kết tuy không có chính quyền xác nhận, nhưng có con trai trưởng của ông S là Đỗ Hữu Đức chứng kiến, nhận biết rõ việc cam kết việc ở tạm của ông S và gia đình. Trong phần đất ông L cho bà P có thửa 958, tờ bản đồ số 1, có diện tích 640m² tọa lạc tại xã Phú T mà ông Đ sử dụng.

Ngày 23/2/2009, bà P có gửi đơn tranh chấp đòi lại 640m² đất nói trên. Ngày 27/3/2009, Ủy ban nhân dân xã Phú T đã hòa giải, ông Đ đồng ý là bà P cho ông Đ phần đất khác cất nhà và đến ngày 30/12/2009 ông Đ sẽ di dời giao trả đất trên cho bà P.

Sau đó ông Đ đã dời vào phần đất bên trong của bà P cho để cất nhà. Nhưng đến ngày 30/12/2009, ông Đ không di dời. Bà P đã yêu cầu hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Phú T một lần nữa nhưng ông Đ vẫn không giao trả cho bà P. Do hòa giải không thành, Ủy ban nhân dân xã Phú T chuyển đơn của bà P đến Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại giải quyết.

Ngày 15/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại ban hành Quyết định số 1390/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà P đòi lại diện tích 640m² đất thửa 958, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Phú T, giao cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý.

Bà P không đồng ý với nội dung của Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại nên đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 22/9/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2129/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà P mà công nhận nội dung của Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại.

Bà P đã khởi kiện đến TAND huyện Bình Đại yêu cầu hủy Quyết định số 1390/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại.

Ngày 25/01/2013, TAND huyện Bình Đại xử sơ thẩm. Trong bản án số 01/2013/HCST tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà P. Bà P kháng cáo yêu cầu xử phúc thẩm.

Ngày 02/05/2013, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại có Quyết định số 1291/QĐ-UBND thu hồi Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết tranh chấp đất của bà Đỗ Thị P. Lý do: Quyết định số 1390/QĐ-UBND huyện ban hành không đúng thẩm quyền.

Hiện nay, ông Đồng Văn Đ đã trả lại đất cho gia đình bà P và di dời đi nơi khác, không còn tranh chấp.

Theo đó, đến ngày 24/5/2013, bà P làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Phú T, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 640m² thuộc thửa đất số 958, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre cho bà.

Ngày 02/12/2013, Ủy ban nhân dân xã Phú T có Công văn số 408/UBND-VP không đồng ý xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P đối với phần đất có diện tích 640m² thuộc thửa đất số 958, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Sau đó, Ủy ban nhân dân xã Phú T đã ban hành Quyết định 59/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã Phú T về việc thu hồi Công văn số 408/UBND-VP ngày 02/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã Phú T. Đồng thời, hướng dẫn bà P làm hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và bà P cũng đã nộp hồ sơ theo hướng dẫn. Tuy nhiên, sau đó bà P không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại.

Ngày 06/6/2015, bà P có gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú T về việc không xem xét hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 11/6/2015, bà P nhận được Công văn số 231/CV-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại về việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P với lý do là bà P không trực tiếp quản lý, canh

tác, sử dụng phần đất trên và thửa đất trên do Kho lúa Tập đoàn 1 kê khai đăng ký, Ủy ban nhân dân xã đã quản lý, đây là phần đất công do Nhà nước quản lý nên không có cơ sở xem xét.

Ngày 16/6/2015, bà P đã gửi đơn khiếu nại sự việc nêu trên đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại để mong có sự xem xét, giải quyết hợp lý.

Sau đó, bà P nhận được công văn số : 2648/UBND-NC ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại về việc trả lời đơn khiếu nại của bà P. Nội dung công văn này cũng giống như nội dung công văn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại.

Ngày 26/11/2015, bà P nộp đơn khởi kiện công văn số :2648/UBND- NC ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại về việc trả lời đơn khiếu nại của bà P đến Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Ngày 01/6/2016, bà P chết (Trích lục khai tử số 69/TLKT-BS ngày 06/06/2016). Ngày 25/10/2016, ông H, ông H, ông H nhận được quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại về việc rút lại Công văn số :2648/UBND- NC ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại về việc trả lời đơn khiếu nại của bà P.

Ngày 26/10/2016, ông H, ông H, ông H làm đơn rút đơn khởi kiện công văn số:2648/UBND- NC ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại về việc trả lời đơn khiếu nại của bà P đến Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Ngày 12/12/2016, ông Huỳnh Kim Hiệp tiếp tục làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận.

Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân xã Phú T có Công văn số 07/UBND-CV về việc trả lời đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Kim H có nội dung như sau: “Năm 2006, xã Phú T đo đạc thành lập hồ sơ địa chính chính quy đã đo phần đất trên thành thửa đất số 463, tờ bản đồ số 09, diện tích 564.9m² do Ủy ban nhân dân xã Phú T kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh B giao phần đất này cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý theo Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015.”

Đến ngày 17/01/2017, thông qua Công văn số 07/UBND-CV ngày 10/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận về việc trả lời đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Kim H thì ông H, ông H, ông H mới biết có Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích

hợp pháp của ông H, ông H, ông H.

Mặt khác, từ năm 2009 đến 2016, gia đình ông liên tục khiếu nại, khởi kiện về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất . Trong khi gia đình ông đang tranh chấp thì Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 giao phần đất thửa số 463, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre cho Ủy ban nhân dân xã Phú T là không đúng.

Tại Toà phiên tòa sơ thẩm, những người khởi kiện sửa đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện ban đầu, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên: Hủy 01 phần Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giao phần đất thửa số 463, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre cho Ủy ban nhân dân xã Phú T.

Theo văn bản ý kiến, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại, người bị kiện – Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Về nguồn gốc diện tích 932,2m² đất (trong đó có 564,9m² thuộc thửa đất số 463, tờ bản đồ số 9 và 367,3m² thuộc thửa số 671, tờ bản đồ số 13) tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre: Diện tích 564,9m² thuộc thửa 463, tờ bản đồ số 9, tại xã Phú T do Tập đoàn 01 xã Phú T sử dụng làm sân phơi, nhà kho và đăng ký sử dụng trong hồ sơ địa chính từ năm 1983. Đến năm 1991, Tập đoàn 01 xã Phú T không còn nhu cầu sử dụng và phần đất này cùng nhà kho cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý đến năm 2015. Đối với diện tích 367,3m² thuộc thửa 671, tờ bản đồ số 13 tại xã Phú T được Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý sử dụng từ năm 1982 đến năm 2015 và đăng ký trong hồ sơ địa chính.

Từ những cơ sở trên, xét thấy việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại đề xuất giao cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý phần đất trên là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 giao cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý phần đất này là đúng quy định. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông H, ông Hoà và ông H.

Theo văn bản ý kiến, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, Ủy ban nhân dân xã Phú T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Phần đất diện tích 564,9m² thuộc thửa 463, tờ bản đồ số 9, tại xã Phú T (theo hồ sơ địa chính không chính quy thành lập năm 1990-1991 thuộc thửa đất số 958, tờ bản đồ số 1, diện tích 640m²) có nguồn gốc: Từ năm 1983, Tập đoàn 01 xã Phú T sử dụng làm sân phơi và đăng ký sử dụng trong hồ sơ địa chính.

Đến năm 1991, Tập đoàn 01 xã Phú T không còn nhu cầu sử dụng nên giao phần đất này cùng nhà kho cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý đến năm 2015.

Phần đất này do bà Đỗ Thị G mua của ông Đỗ Ngọc S (4 Sinh) trước năm 1975. Sau đó năm 1983 bà G có trao đổi đất với Tập đoàn 1 (xã Phú T) để lấy 02 công đất ruộng và Tập đoàn 1 sử dụng phần đất giống này làm sân phơi lúa và cất nhà kho.

Đến khoảng năm 1991, Tập đoàn giải thể giao lại phần đất này cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý và đăng ký sổ mục kê quản lý cho đến nay. Hiện nay phần đất này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý theo Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25/8/2015. Xét thấy quyết định trên được ban hành là đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H, ông Hoà, ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Văn Đ có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ là các ông bà: Đồng Phi H, Đồng Thị Ngọc C, Đỗ Thị Lệ D, Đồng Thị Ngọc H có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước năm 1975, ông Đỗ Ngọc S quản lý và sử dụng 7421m² đất, trong đó có thửa 640m² ông S cho bà G mượn hàng năm, bà G trả tiền thuê đất hàng năm cho ông S chứ không phải trả cho gia đình bà P như ông H trình bày. Sau đó ông S bán 640m² cho bà G, bà G hoán đổi phần đất này cho Tập đoàn để lấy 02 công đất ruộng. Tập đoàn dùng 640m² đất đổi của bà G để làm nhà kho, sân phơi cho dân.

Một thời gian tập đoàn giải thể bỏ trống đất, ông S đến Ủy ban nhân dân xã Phú T xin cất nhà cho con ở riêng. Đến khoảng năm 2007 – 2008 bà P (mẹ ông H) đến nhà ông S để đòi lại đất, sau đó bà P kiện ra xã. Lúc đó ông Đồng Văn Đ bị bệnh nặng nên vì muốn cho vợ con có chỗ ở ổn định nên đã đồng ý ký tên trả đất cho bà P, riêng bà D thì không đồng ý, nên các buổi làm việc với xã bà D không được mời và cũng không được ý kiến hay ký tên trả đất. Sau khi trả đất để hòa giải êm xuôi thì ba đoàn thể của xã đo đất phía sau của ông S để cho bà D và ông Đ cất nhà khác ở, phần đất này là của ông Đỗ Ngọc S, đã đăng ký mục kê tại xã năm 1991 chứ không phải đất của gia đình bà P như ông H đã nêu trong đơn. Từ năm 1975 đến nay phía người khởi kiện không có canh tác phần đất này, không có đăng ký tại xã mà nay lại đòi lại đất là không đúng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao phần đất này cho Ủy ban nhân dân xã Phú T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị G trình bày:

Khoảng năm 1968, bà theo chồng là ông Võ Văn Thêm về sinh sống tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng những năm 80 thì bà về huyện Đức Hòa, tỉnh L An sinh sống cho đến nay. Các nội dung có liên quan đến tranh chấp vụ

án hành chính mà Tòa án yêu cầu bà có ý kiến thì hiện nay bà không còn nhớ bởi hiện nay bà đã cao tuổi, trí nhớ không còn minh mẫn. Bà cũng nhận thấy bà không có liên quan gì đến vụ án nên đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2018/HC-ST ngày 21/9/2018 đã tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Kim Hoà, và ông Huỳnh Kim H về việc yêu cầu hủy 01 phần Quyết định hành chính số 1671/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý đối với phần đất diện tích 564,9m² thuộc thửa 463, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 290/2020/HC-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2018/HC-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, giao trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Từ năm 2009 đến 2016, gia đình ông H, ông H, ông H liên tục khiếu nại, khởi kiện tranh chấp yêu cầu xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với phần đất thửa số 463, tờ bản đồ số 09. Các cơ quan có thẩm quyền liên tục ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại, sau đó lại tiếp tục ra các quyết định sau thu hồi các quyết định giải quyết trước và hiện tại chưa ban hành quyết định giải quyết cuối cùng đối với vụ việc của gia đình ông H, H, H. Như vậy, trong khi phần đất này đang bị tranh chấp chưa giải quyết xong, nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre lại ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 giao phần đất thửa số 463, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre cho Ủy ban nhân dân xã Phú T là không đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện Huỳnh Kim H, Huỳnh Kim H, Huỳnh Kim H, hủy Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 .

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Người bị kiện có yêu cầu không tham gia đối thoại và tiến hành đối thoại nên các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án; người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về

việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

Người khởi kiện ông Huỳnh Kim H, Huỳnh Kim H, Huỳnh Kim H yêu cầu Tòa án xem xét hủy: Một phần Quyết định hành chính số 1671/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý đối với phần đất diện tích 564,9m² thuộc thửa 463, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 3 và các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì các quyết định và văn bản trên thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của ông H, ông H, ông H vẫn còn đối với quyết định hành chính nêu trên.

- Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng:

Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh B có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Đồng Thị Ngọc C, Đồng Phi H, Đỗ Thị G, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Lệ D, Đồng Thị Ngọc H là bà Phan Thị Ngọc T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Ngày 22/6/2015, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại có Tờ trình số 1418/TTr-UBND trình Sở Tài nguyên và môi trường xem xét giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý đối với thửa đất 463, tờ bản đồ số 9, xã P, huyện B; kèm theo tờ trình trên là trích lục bản đồ địa chính thửa đất.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin giao đất, ngày 18/8/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre có Tờ trình số 1832/TTr-UBND có nội dung trình Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt quyết định giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý trong đó có thửa đất 463, tờ bản đồ số 9, xã P, huyện B.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 59 Luật đất đai 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh B

ban hành Quyết định hành chính số 1671/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 là đúng thẩm quyền.

Căn cứ điều 8 Luật đất đai 2013, Ủy ban nhân dân xã Phú T thuộc đối tượng Nhà nước giao đất để quản lý. Căn cứ Điều 3 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất thì việc Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định hành chính số 1671/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 là đúng trình tự, thủ tục.

[3] Nội dung các quyết định hành chính bị kiện:

[3.1] Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 463, tờ bản đồ số 9 với diện tích 564,9m² tại ấp Phú Thạnh, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của ông bà Đỗ Văn H, Đỗ Thị M (ông bà ngoại của ông H, H, H). Năm 1959, ông H lập tờ phân chia phần đất trên cho con là Đỗ Thành L. Trước khi ra nước ngoài sinh sống ông Đỗ Thành L lập giấy tờ cho đất có xác nhận của địa P bà P với diện tích đất 7.421m² (trong đó có 564,9m² đất).

Thửa đất tranh chấp do ông Đồng Văn Đ quản lý, sử dụng và cất nhà ở. Ngày 23/02/2009, bà P có gửi đơn đòi lại 640m² đất nói trên. Ngày 27/3/2009, Ủy ban nhân dân xã Phú T tiến hành hòa giải, theo đó bà P đồng ý cho ông Đ phần đất khác của bà P để ông Đ cất nhà ở, ông Đ sẽ trả lại cho bà P khu đất này, đến ngày 30/12/2009 ông Đ phải di dời nhà giao trả đất cho bà P nhưng ông không thực hiện.

Ủy ban nhân dân xã Phú T tiếp tục hòa giải nhưng không thành, Ủy ban nhân dân xã Phú T chuyển đơn của bà P đến Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại giải quyết.

Ngày 15/6/2011, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại ban hành Quyết định số 1390/QĐ- UBND bác đơn khiếu nại của bà P đòi lại diện tích 640m² đất thửa 958, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Phú T, giao cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý. Bà P không đồng ý với nội dung của quyết định nên đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 22/9/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2129/QĐ- UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà P, công nhận nội dung của Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại. Ngày 02/05/2013, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại có Quyết định số 1291/QĐ- UBND thu hồi Quyết định 1390/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giải quyết tranh chấp đất của bà Đỗ Thị P. Lý do: Quyết định số 1390/QĐ-UBND huyện ban hành không đúng thẩm quyền. Sau đó, ông Đồng Văn Đ đã trả lại đất cho gia đình bà P và di dời đi nơi khác, không còn tranh chấp.

Ngày 24/5/2013, bà P làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Phú T, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 640m².

Ngày 02/12/2013, Ủy ban nhân dân xã Phú T có Công văn số 408/UBND-VP không đồng ý xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 640m² đất cho bà P.

Ngày 15/8/2014, Ủy ban nhân dân xã Phú T ban hành Quyết định 59/QĐ-UBND về việc thu hồi Công văn số 408/UBND-VP ngày 02/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã Phú T.

Ngày 06/6/2015, bà P có gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú T về việc không xem xét hồ sơ yêu cầu cấp giấy CNQSDĐ.

Ngày 11/6/2015, bà P nhận được Công văn số 231/CV-TNMT của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại nội dung xác định không cấp Giấy CNQSDĐ cho bà P, với lý do bà P không trực tiếp quản lý, canh tác, sử dụng phần đất trên và thửa đất trên do Kho lúa Tập đoàn 1 kê khai đăng ký, Ủy ban nhân dân xã đã quản lý, đây là phần đất công do Nhà nước quản lý nên không có cơ sở xem xét.

Ngày 16/6/2015, bà P khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại. Ngày 30/10/2015, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại ban hành công văn số 2648/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại của bà P. Nội dung công văn này cũng giống như nội dung công văn của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bình Đại.

Ngày 01/6/2016, bà P chết. Ngày 25/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại ban hành quyết định số 3728 /QĐ-UBND về việc rút lại Công văn số 2648/UBND- NC ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại về việc trả lời đơn khiếu nại của bà P và giao cho con bà P là ông H, ông H, ông H. Ngày 12/12/2016, ông Huỳnh Kim H tiếp tục làm hồ sơ xin cấp Giấy CNQSDĐ gửi Ủy ban nhân dân xã Phú T.

Ngày 10/01/2017 Ủy ban nhân dân xã Phú T có công văn số 07/UBND-CV về việc trả lời đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ của ông Huỳnh Kim H có nội dung như sau: “Năm 2006 xã Phú T đo đạc thành lập hồ sơ địa chính chính quy đã đo phần đất trên thành thửa đất số 463, tờ bản đồ số 09, diện tích 564,9m² do Ủy ban nhân dân xã Phú T kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh B giao phần đất này cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý theo Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015”.

[3.2] Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án qua các cấp thì phía Ủy ban nhân dân xã Phú T có cung cấp biên bản xác minh ngày 21/10/2013 về việc bà Đỗ Thị G xác định có chuyển nhượng khu đất này của ông Đỗ Văn S với giá một chỉ vàng 24K, đồng thời người khởi kiện cũng cung cấp bản photo giấy bản nhà kho có chữ ký của Tập đoàn trưởng vào ngày 30/3/1990. Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ đối với bà Đỗ Thị G về nội dung trên. Kết quả bà G hiện nay đã lớn tuổi nên bà không còn nhớ gì để cung cấp thông tin cho tòa án liên quan đến thửa đất nêu trên. Như vậy theo quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh B điều chỉnh phần đất thửa 463, tờ bản đồ số 09, diện tích 564,9m² đã có phát sinh giao dịch chuyển nhượng giữa ông S và bà G, nên mới dẫn đến việc đổi đất giữa bà G với Tập đoàn. Tuy nhiên những nội dung này chưa được làm rõ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3.3] Xét thấy, từ năm 2009 đến 2016, gia đình ông H, ông H, ông H liên tục khiếu nại, khởi kiện tranh chấp yêu cầu xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với phần đất này. Ủy ban nhân dân xã, huyện, liên tục ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại, sau đó lại tiếp tục ra các quyết định sau thu hồi các quyết định giải quyết trước và hiện tại chưa ban hành quyết định giải quyết cuối cùng đối với khiếu nại của gia đình ông H, H, H. Như vậy, trong khi phần đất này đang bị tranh chấp chưa giải quyết xong, nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh B lại ban hành Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 giao phần đất thửa số 463, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre cho Ủy ban nhân dân xã Phú T là không đúng quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên những người khởi kiện ông Huỳnh Kim H, Huỳnh Kim H, Huỳnh Kim H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai 2013, Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Kim Hoà, và ông Huỳnh Kim H: Hủy 01 phần Quyết định hành chính số 1671/QĐ-

UBND ngày 25/8/2015 về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã Phú T quản lý đối với phần đất diện tích 564,9m² thuộc thửa 463, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Hoàn lại cho ông Huỳnh Kim H, ông Huỳnh Kim Hoà, và ông Huỳnh Kim H mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002746, 0002747, 0002744 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

- Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Minh Đạt